

Bản án số: 06/2022/DS – ST  
Ngày: 14 – 3 – 2022  
V/v: Tranh chấp hui.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Di
2. Ông Huỳnh Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

**- Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2021/TLST – DS ngày 18 tháng 11 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST – DS ngày 11/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST – DS ngày 25/02/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc N; sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Hùng A, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P tại Tòa án:***

Bà Nguyễn Thị Ngọc N tham gia chơi hui với bà Nguyễn Thị Ngọc P cụ thể như sau:

\* Phần bà P chơi hui của bà N mở:

Ngày 20/6/2018, bà N mở dây hui có 31 hui viên tham gia, số tiền góp hàng tháng là 5.000.000 đồng, hình thức chơi là hui đầu thảo (có lời), ngày

20/10 âm lịch hàng tháng khui, hốt chót là 150.000.000 đồng (sau khi trừ 01 phần của người chơi), mãn hui vào ngày 20/11/2020.

Bà P chơi 06 phần, đã đóng 27 tháng x 5.000.000 đồng x 6 phần = 810.000.000 đồng - 270.000.000 (là số tiền 02 phần đã hốt, hốt phần thứ nhất vào ngày 20/8/2019 với giá 1.200.000 đồng, phần thứ 02 vào ngày 20/02/2020 với giá 1.100.000 đồng) còn lại 540.000.000 đồng (04 phần hui còn sống của bà P). Bà N đã trả 100.000.000 đồng, còn thiếu của bà P 440.000.000 đồng.

\* Phần bà N chơi hui của bà P mở:

- Ngày 30/01/2019, bà P mở dây hui 23 hui viên, số tiền góp hui mỗi tháng 1.000.000 đồng, hình thức chơi là hui lấy tiền cò, khui hàng tháng, hốt chót là 22.000.000 đồng (sau khi trừ đi phần của người chơi), mãn hui vào ngày 30/10/2020. Bà N chơi 02 phần, đã hốt phần thứ nhất vào ngày 30/7/2019 với giá 120.000 đồng, hốt phần thứ 02 vào ngày 30/12/2019 với giá 120.000 đồng.

Bà N đã đóng 19 tháng còn 04 tháng bà N chưa đóng cho bà P: 04 tháng x 2 phần x 1.000.000 đồng = 8.000.000 đồng.

- Ngày 05/02/2019, bà P mở dây hui 26 hui viên, số tiền góp hui mỗi tháng 2.000.000 đồng, hình thức chơi hui lấy tiền cò, khui hàng tháng, hốt chót là 50.000.000 đồng (sau khi trừ đi phần của người chơi), mãn hui vào ngày 05/02/2021. Bà N chơi 04 phần, tháng 8/2019 bà N hốt phần thứ nhất giá 450.000 đồng, tháng 11/2019 hốt phần thứ 2 giá 450.000 đồng, tháng 02/2020 hốt phần thứ 3 giá 380.000 đồng, đến tháng 6/2020 hốt phần thứ 4 giá 350.000 đồng.

Bà N đã đóng 18 tháng, còn 08 tháng bà N chưa đóng cho bà P: 8 tháng x 4 phần x 2.000.000 đồng = 64.000.000 đồng.

- Ngày 15/12/2019, bà P mở dây hui 13 hui viên, số tiền góp hui mỗi tháng 1.000.000 đồng, hình thức chơi là hui lấy tiền cò, khui hàng tháng, hốt chót là 12.000.000 đồng (sau khi trừ đi phần của người chơi), mãn hui vào ngày 15/12/2020. Bà N chơi 01 phần, đã hốt vào tháng 5/2020 với giá 180.000 đồng.

Bà N đã đóng 08 tháng, còn 05 tháng bà N chưa đóng cho bà P: 05 tháng x 1.000.000 đồng = 5.000.000 đồng.

- Ngày 25/12/2019, bà P mở dây hui 26 hui viên, số tiền góp hui mỗi tháng 2.000.000 đồng, hình thức chơi là hui lấy tiền cò, khui hàng tháng, hốt chót là 50.000.000 đồng (sau khi trừ đi phần của người chơi), mãn hui vào ngày 25/12/2021. Bà N chơi 02 phần, đã hốt hết 02 phần.

Bà N đã đóng 08 tháng, còn 18 tháng bà N chưa đóng cho bà P: 18 tháng x 2 phần x 2.000.000 đồng = 72.000.000 đồng.

- Ngày 30/12/2019, bà P mở 01 dây hui 26 hui viên, số tiền góp hui mỗi tháng 2.000.000 đồng, hình thức chơi là hui ăn tiền cò, khui hàng tháng, hốt chót là 50.000.000 đồng (sau khi trừ đi phần của người chơi), mãn hui vào ngày 30/12/2021. Bà N chơi 02 phần, hốt phần thứ nhất vào ngày 30/01/2020 với giá 500.000 đồng, hốt phần thứ 02 vào ngày 30/4/2020 với giá 450.000 đồng, 01 phần chưa hốt của bà N đã đóng 8 tháng dư ra được số tiền 14.200.000 đồng.

Bà N đã đóng 08 tháng, còn 18 tháng bà N chưa đóng cho bà P: 18 tháng x 4 phần x 2.000.000đ = 72.000.000 đồng.

- Ngày 20/02/2020, bà P mở 01 dây hụi với 28 hụi viên, số tiền góp hụi mỗi tháng 2.000.000 đồng, hình thức chơi là hụi lấy tiền cò, khai hàng tháng, hốt chót là 54.000.000 đồng (sau khi trừ đi phần của người chơi), mãn hụi vào ngày 20/4/2022. Bà N chơi 02 phần, đã hốt phần thứ nhất vào ngày 20/4/2020 với giá 500.000 đồng, hốt phần thứ 2 vào ngày 20/6/2020 với giá 450.000 đồng.

Bà N đã đóng 05 tháng, còn 23 tháng bà N chưa đóng cho bà P:  $23 \text{ tháng} \times 2 \text{ phần} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 92.000.000 \text{ đồng}$ .

- Ngày 30/02/2020, bà P mở dây hụi với 31 hụi viên, số tiền góp hụi mỗi tháng 5.000.000 đồng, hình thức chơi là hụi lấy đầu thảo, khai hàng tháng, hốt chót là 150.000.000 đồng (sau khi trừ đi phần của người chơi). Bà N chơi 03 phần, đã hốt 02 phần (vào ngày 30/04/2020 hốt phần thứ nhất với giá 1.200.000 đồng, phần thứ 2 hốt vào ngày 30/6/2020 với giá 1.100.000 đồng), 01 phần chưa hốt của bà N đã đóng 06 tháng dư ra số tiền 24.500.000 đồng.

Bà N đã đóng 06 tháng còn 25 tháng bà N chưa đóng cho bà P:  $25 \text{ tháng} \times 2 \text{ phần} \times 5.000.000 \text{ đồng} = 250.000.000 \text{ đồng}$ .

- Ngày 15/04/2020, bà P mở dây hụi với 21 hụi viên, số tiền góp hụi mỗi tháng 2.000.000 đồng, hình thức chơi là hụi lấy tiền cò, khai hàng tháng, hốt chót là 40.000.000 đồng (sau khi trừ đi phần của người chơi), mãn hụi vào ngày 15/11/2021. Bà N chơi 03 phần, đã hốt 02 phần, còn sống 01 phần.

Bà N đã đóng 05 tháng, còn 16 tháng bà N chưa đóng cho bà P:  $16 \text{ tháng} \times 2 \text{ phần} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 64.000.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tổng số tiền phần bà P chơi hụi của bà N nhưng bà N chưa thanh toán cho bà P là 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng); tổng số tiền phần bà N chơi hụi của bà P nhưng chưa đóng cho bà P là 659.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi chín triệu đồng chẵn). Tổng cộng hai phần trên, bà N còn nợ của bà P là:  $659.000.000 \text{ đồng} + 440.000.000 \text{ đồng} = 1.099.000.000$  (một tỷ không trăm chín mươi chín triệu đồng).

Tại đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung đề ngày 16/12/2021, Bà P cho rằng ông Lê Hùng A chồng bà N có biết việc chơi hụi của bà N, có thấy bà P giao tiền hụi cho bà N, số tiền bà N hốt hụi dùng vào việc kinh doanh lúa gạo vì nhà bà N có cơ sở sản xuất lúa gạo. Vì vậy, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N và chồng là ông Lê Hùng A phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền 1.099.000.000 đồng (một tỷ không trăm chín mươi chín triệu đồng chẵn).

Quá trình hòa giải tại Tòa án ngày 17/01/2022, sau khi cân trừ bà P và bà N đã thống nhất số tiền bà N còn nợ bà P là 872.000.000 đồng.

***Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:***

Bà N thừa nhận có tham gia chơi các dây hụi với bà P như bà P trình bày và còn nợ tiền hụi của P số tiền 764.700.000 đồng. Tại buổi hòa giải ngày 17/01/2022, bà N đồng ý còn nợ bà P số tiền 872.000.000 đồng. Tuy nhiên do làm ăn khó khăn chưa có điều kiện trả nợ nên bà N đề nghị bà P cho bà N được từ từ trả nợ dần. Đối với yêu cầu của bà P buộc chồng bà là ông Lê Hùng A phải liên đới cùng bà N trả nợ cho bà P thì bà N không đồng ý. Lý do số tiền bà N chơi hụi và nợ của bà P là do bà tin tưởng chơi giùm một số người quen nhưng khi hốt hụi xong thì họ bỏ trốn nên bà không đòi được tiền trả nợ cho bà P. Bà N

không dùng số tiền này vào mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu hay kinh doanh của gia đình. Ông Lê Hùng A không biết và không liên quan đến việc này.

***Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hùng A:*** Trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử, ông Lê Hùng A đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông A vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

***Tại phiên tòa:***

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N cho rằng đã trả thêm bà P 60.000.000 đồng trước đó nên bà chỉ còn nợ bà P 812.000.000 đồng; bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn buộc chồng bà là ông Lê Hùng A phải liên đới cùng bà trả số tiền hui còn nợ cho bà P.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P xác nhận bà N đã trả thêm được 60.000.000 đồng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Lê Hùng A có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền hui còn nợ là 812.000.000 đồng.

***Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thành phần, tư cách của những người tham gia tố tụng, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà N phải trả cho bà P 287.000.000 đồng tiền hui; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N phải trả lại cho bà P số tiền 812.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Lê Hùng A phải liên đới cùng bà N trả 812.000.000 đồng cho bà P.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

***[1] Về tố tụng:***

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ngọc P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Lê Hùng A trả tiền hui còn nợ; bị đơn đang cư trú tại huyện L nên Tòa án xác định đây là “Tranh chấp hui” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hùng A đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A theo luật định.

***[2] Về nội dung:***

Bà Nguyễn Thị Ngọc P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N phải trả cho bà tổng số tiền hui còn nợ là 1.099.000.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N thừa nhận có tham gia chơi các dây hui như bà P đã trình bày, các dây hui trên đã mất và bà chỉ thừa nhận còn nợ bà P 764.700.000 đồng. Quá trình hòa giải tại Tòa án ngày 17/01/2022, sau khi cân trừ lại các khoản, bà P và bà N thống nhất bà N còn nợ bà P số tiền hui 872.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà N cho rằng đã trả thêm bà P 60.000.000 đồng nên chỉ còn nợ bà P 812.000.000 đồng và được bà P chấp nhận. Vì vậy HĐXX có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà N phải trả cho bà P số tiền hui 812.000.000 đồng.

*Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà P yêu cầu ông Lê Hùng A phải liên đới cùng bà N trả tiền hui cho bà P, HĐXX nhận thấy:*

Quá trình bà P và bà N tham gia chơi hui với nhau không có ông Lê Hùng A tham gia. Bà P cho rằng ông Lê Hùng A có biết việc bà N chơi hui với bà P, có thấy bà P giao tiền hui cho bà N, số tiền bà N hót hui là dùng vào việc kinh doanh lúa gạo vì nhà bà N có cơ sở sản xuất lúa gạo, duy trì đáp ứng nhu cầu làm ăn để sinh lợi nhuận phục vụ cho gia đình. Nên ông Lê Hùng A phải có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả tiền hui còn thiếu cho bà P. Tuy nhiên bà P không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu trên.

Bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày số tiền chơi hui với bà P là do bà chơi giùm nhiều người quen nhưng sau đó họ bỏ trốn, bà không dùng số tiền trên vào mục đích thiết yếu hay kinh doanh của gia đình, ông Lê Hùng A không biết và không liên quan đến việc chơi hui của bà N. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án cũng như khi xét xử ông Lê Hùng A vắng mặt và không có văn bản ý kiến phản hồi. Vì vậy HĐXX không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà P buộc ông Lê Hùng A chồng bà N phải có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả tiền hui cho bà P.

*[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do yêu cầu khởi kiện của bà P được Tòa án chấp nhận nên bà N phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên giá trị tranh chấp là 812.000.000 đồng.

Bà P không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468, 471 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc P buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N phải có trách nhiệm trả cho bà P số tiền hui 287.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc P về việc buộc ông Lê Hùng A phải có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả 812.000.000 đồng tiền hui cho bà P.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc P, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền hui 812.000.000 đồng (Tám trăm mười hai triệu đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu số tiền 36.360.000 đồng (ba mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc P không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà P số tiền 22.125.000đ (hai mươi hai triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008573 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/3/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký và đóng dấu)

**Phạm Thị Bình**

